



# BẢNG GIÁ HÀNG LẠNH

- Truy cập website [THAK](http://THAK) để biết thêm về:  
*Chương trình Sale - Sản phẩm mới - Lịch về hàng*
- Đặt hàng tại: Website [THAK](http://THAK) hoặc inbox Fanpage [CHỢ SỦ THAK](https://www.facebook.com/CHỢ_SỦ_THAK)



SALE

Tổ ong/ Sách dê  
ヤギの胃腸

~~800~~ **660y/kg**



GIÁ TỐT

Khoai mì xay sẵn túi 1kg  
冷凍挽きキャッサバ

**730y/kg**



Chân gà rút xương túi CK~1kg  
骨なし鶏足

**950y/kg**



Chân gà ngắn túi thường ~1kg  
鶏ショートモミジ

**300y/kg**



Chân gà ngắn nguyên thùng  
鶏ショートモミジ

**250y/kg**

売り切れ



Đùi vịt (túi ~2kg)  
骨付きアヒルモモ

~~1,310~~ **980y/kg**



SALE

Vịt CP 1,6~1,7kg  
アヒル (ダック)

~~1,205~~ **1,190y/con**



SALE

Vịt CP nửa con  
アヒル (ダック)

~~660~~ **655y/túi**

# THỊT HEO



Nặng heo nguyên thùng  
豚トロ (ぶたトロ)

850y/kg



Nặng heo túi CK  
豚トロ (ぶたトロ)

910y/kg



Thịt heo xay 1kg  
豚ミンチ

790y/kg



SALE

Bắp heo có da xương - Nguyên thùng  
皮・骨付き豚スネ

~~710~~ 630y/kg



SALE

Bắp heo có da xương cắt khoanh - CK  
皮・骨付き豚スネ (スライス)

~~830~~ 710y/kg



SALE

Bắp heo có da xương cắt khoanh  
皮・骨付き豚スネ (スライス)

~~800~~ 680y/kg



Bắp heo RÚT XƯƠNG túi CK  
皮付き豚スネ (骨なし)

900y/kg



Xương ống heo nguyên thùng  
豚骨 (カット)

345y/kg



Xương ống heo túi thường ~1kg  
豚骨 (カット)

375y/kg



# THỊT HEO



Ba chỉ da nguyên tảng  
皮付き豚バラ（骨なし）

1,080y/kg

## Ba chỉ da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,095y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,100y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,118y/kg
- Chọn nạc túi thường: 1,165y/kg
- Chọn nạc chân không: 1,178y/kg

## Ba chỉ không da gia công:

- Cắt sẵn, chưa đóng túi: 1,000y/kg
- Túi thường ~1kg: 1,010y/kg
- Túi chân không ~1kg: 1,030y/kg

売り切れ



Ba chỉ không da nguyên tảng  
豚バラ（皮・骨抜き）

1,040 960y/kg



Sườn già nguyên miếng  
豚スペアリブ

920y/kg

## Sườn già gia công:

- Cắt ngang, không túi: 960y/kg
- Cắt ngang, túi thường: 980y/kg
- Cắt ngang, túi CK: 990y/kg
- Cắt nhỏ, không túi: 1,020y/kg
- Cắt nhỏ, túi thường: 1,040y/kg
- Cắt nhỏ, túi CK: 1,050y/kg

## Sườn non gia công:

- Cắt ngang không túi: 768y/kg
- Cắt ngang túi thường: 798y/kg
- Cắt ngang túi CK: 818y/kg

売り切れ



Sườn non nguyên thùng  
豚軟骨

708y/kg



Móng heo nguyên cái nguyên thùng  
豚足

295y/kg

## Móng heo nguyên cái gia công:

- Túi thường ~1kg: 315y/kg
- Túi chân không ~1kg: 335y/kg
- Bỏ đục: 345y/kg

## Móng heo cắt khoanh gia công:

- Túi thường ~1kg: 365y/kg
- Túi chân không ~1kg: 375y/kg
- Móng cắt khoanh, bỏ cùi, túi chân không ~1kg: 395y/kg



Móng heo cắt khoanh chưa đóng túi  
豚足（輪切）

350y/kg



# THỊT HEO



Móng heo cắt nhỏ chưa đóng túi  
豚足 (六分カット)

375y/kg

## Móng heo cắt nhỏ gia công:

- Túi thường ~1kg: 390y/kg
- Túi chân không ~1kg: 400y/kg

## Đuôi heo gia công:

- Cắt chưa đóng túi: 630y/kg
- Cắt đóng túi thường: 650y/kg
- Cắt đóng túi CK: 670y/kg



Đuôi heo nguyên thùng  
豚テール

600y/kg



Mỡ heo túi thường ~1kg  
豚脂肪

460y/kg



Mỡ heo nguyên thùng  
豚脂肪

410y/kg



Tim heo nguyên thùng  
豚ハツ

429y/kg



Cuống họng nguyên thùng  
豚ノド

389y/kg



Cuống họng túi CK ~ 1kg  
豚ノド

459y/kg



Tim heo túi CK ~1kg  
豚ハツ

499y/kg



# THỊT HEO



Da heo loại A nguyên thùng  
豚皮

500y/kg



Da heo loại A túi CK ~ 1kg  
豚足 (六分カット)

570y/kg



Diêm heo nguyên thùng  
豚ハラミ

780y/kg



Gan heo túi CK ~1kg  
豚レバー

390y/kg



Gan heo nguyên thùng  
豚レバー

320y/kg



Diêm heo túi CK ~1kg  
豚ハラミ

850y/kg



Lưỡi heo nguyên thùng  
豚タン

808y/kg



Lưỡi heo túi CK ~1kg  
豚タン

878y/kg



Lòng non sạch cuống túi thường  
脂肪抜き豚小腸

660 620y/kg

SALE



# THỊT HEO



Tai heo nguyên thùng  
豚ミミ

**430y/kg**



Tai heo túi CK ~1kg  
豚ミミ

**490y/kg**



Bao tử túi CK 1~1,5kg  
豚ガツ

~~600~~ **480y/kg**

SALE



Dồi trường túi ~ 5kg  
豚コブクロ

~~830~~ **750y/kg**

売り切れ



Dồi trường túi CK ~ 1kg  
豚コブクロ

~~900~~ **878y/kg**

売り切れ



Bao tử nguyên thùng  
豚ガツ

~~530~~ **450y/kg**

SALE



# THỊT BÒ – DÊ



Đùi Dê nguyên thùng  
ヤギモモ

~~1,680y/kg~~



Gân mỡ bắp bò - CK ~1kg  
牛すね肉のスジと脂

~~450~~ 400y/kg

売り切れ



Gân bò có thịt túi 500g  
肉付き牛すじ

990y/kg



Tổ ong bò đen  
牛ハチノス (黒)

790y/kg



Bắp bò - Nguyên Bắp ~ 4kg  
シャंकミート

1,850y/kg



Bắp bò - Túi CK ~ 1kg  
牛スネ

1,910y/kg



Tim bò nguyên thùng  
牛ハツ (ぎゅうハツ)

~~890~~ 820y/kg



Tim bò - Túi CK ~1kg  
牛ハツ (ぎゅうハツ)

980y/kg



Ba chỉ bò - Túi CK  
牛バラ

~~1,060~~ 960y/kg

# THỊT BÒ

売り切れ



Xương ống bò chưa cắt  
牛骨

350 300y/kg

SALE



Xương ống bò cắt sẵn  
牛骨 (カット)

390 340y/kg



Xương ống bò cắt sẵn túi thường ~1kg  
牛骨 (カット)

440y/kg



Gân Vai Bò Wagyu nguyên thùng  
国産黒毛和牛のオニスジ

890y/kg



Gân Vai Bò Wagyu túi CK  
国産黒毛和牛のオニスジ

950y/kg



Gân bò trắng - Túi CK ~1kg  
牛アキレス

1,040y/kg



Gân bò trắng nguyên thùng  
骨付きアヒルモモ

980y/kg



# THỊT GÀ



Gà dai loại ngon ~ 1kg  
Kiện 26 con  
**445y/con**



Gà dai loại ngon ~ 1,2kg  
Kiện 20 con  
**556y/con**



Gà dai loại ngon ~ 1,4kg  
Kiện 16 con  
**658y/con**



Gà dai loại ngon cắt sẵn  
nguyên con (~1kg/con)  
**545y/túi**



Gà dai loại ngon cắt sẵn  
nửa con (~1kg/con)  
**515y/túi**



Gà dai loại ngon cắt sẵn  
nguyên con (~1.2kg/con)  
**656y/túi**



Gà dai loại ngon cắt sẵn  
nửa con (~1.2kg/con)  
**626y/túi**



Gà dai loại ngon cắt sẵn  
nguyên con (~1.4kg/con)  
**758y/túi**



Gà dai loại ngon cắt sẵn  
nửa con (~1.4kg/con)  
**728y/túi**



# THỊT GÀ – THỦY SẢN

売り切れ



Gà chân đen Nagoya Cochin  
Kiện 18 con

~~860~~ **1,335y/con**



Đùi gà nguyên thùng  
鶏モモ

~~2,510~~ **605y/kg**



Cánh gà nguyên thùng  
鶏手羽

~~850~~ **795y/kg**

SALE



Cá lóc làm sạch nguyên con (có đầu)  
ライギョ魚

~~860~~ **398y/kg**

SALE



Cá thu phi lê đóng khay  
さわらフィレー

~~2,510~~ **1,500y/kg**



Cá ba sa cắt khúc 500g/khay  
バスア魚 カット

~~850~~ **640y/kg**

売り切れ



Ớt tươi đông lạnh 250g/túi

~~850~~ **750y/kg**

売り切れ



Ớt đỏ đông lạnh 500g/túi

~~850~~ **750y/kg**

売り切れ



Ớt Xanh đông lạnh 500g/túi

~~850~~ **750y/kg**



**TRÁI ỔI**

**Trái Ổi**  
**グアバ**

**1個口: 10kg**

**1,600円(税込)/kg**





## CỐC TƯƠI



Trái Cóc tươi  
日本産タヒチモンビン

1個口: 10kg

1,550円(税込)/kg





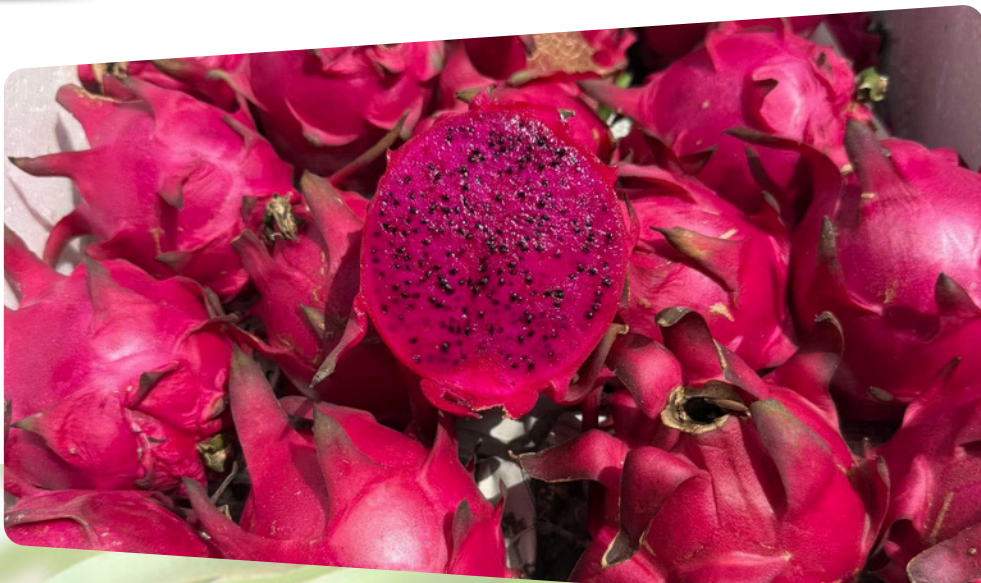
THANH LONG BÚP SEN (TÍM)

Thanh Long Búp Sen (Tím)

沖縄産ドラゴンフルーツ

1個口: 10Kg - 20Kg

980円(税込)/kg





## SẦU RIÊNG



## SẦU RIÊNG MUSANG KING 猫山王

Trái ~2kg: **13,500円(税込)**

Trái ~1,5kg: **10,580円(税込)**

Kiện 10kg (5-6 trái): **53,980円(税込)**





## PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG SẼ ĐỦ ĐIỀU KIỆN

Quý khách mua hàng đủ điều kiện hoặc ghép đủ điều kiện sẽ được áp dụng bao ship/ miễn ship theo quy định sau:

| Tỉnh                                                                                                      | Phí ship/ kiện |           |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-----------|
|                                                                                                           | Đồng/ Mát      | Thường    |
| <b>Vùng Chuubu:</b><br>Niigata - Toyama - Ishikawa - Fukui - Yamanashi - Nagano - Gifu - Shizuoka - Aichi | Miễn ship      | Miễn ship |
| <b>Vùng Kansai:</b><br>Mie - Shiga - Kyoto - Osaka - Hyogo - Nara - Wakayama                              |                |           |
| <b>Vùng Kanto:</b><br>Ibaraki - Tochigi - Gunma - Saitama - Chiba - Tokyo - Kanagawa                      |                |           |
| <b>Vùng Chuugoku:</b><br>Tottori - Shimane - Okayama - Hiroshima - Yamaguchi                              | Phụ ship: 230  | Miễn ship |
| <b>Vùng Shikoku:</b><br>Tokushima - Kagawa - Ehime - Kochi                                                |                |           |
| <b>Vùng Tohoku (1):</b><br>Miyagi - Yamagata - Fukushima                                                  |                |           |
| <b>Vùng Tohoku (2):</b><br>Aomori - Iwate - Akita                                                         | Phụ ship: 380  | Miễn ship |
| <b>Vùng Kyushu (1):</b><br>Kumamoto - Miyazaki - Kagoshima                                                |                |           |
| <b>Vùng Kyushu (2):</b><br>Fukuoka - Saga - Nagasaki - Oita                                               | Phụ ship: 345  | Miễn ship |
| <b>Hokkaido</b>                                                                                           | 1,490          | 500       |

\*Khách Hokkaido là Pháp nhân: Miễn phụ ship thường

## PHÍ SHIP KHI MUA HÀNG KHÔNG ĐỦ ĐIỀU KIỆN

| Tỉnh                    | Phí ship/ kiện |        |
|-------------------------|----------------|--------|
|                         | Đồng/ Mát      | Thường |
| <b>Hokkaido</b>         | 3,200          | 1,900  |
| <b>Các tỉnh còn lại</b> | 2,050          | 1,370  |

## HÌNH THỨC THANH TOÁN: Thanh toán 1 trong 2 hình thức sau:

\*Nhận hàng trả tiền (daibiki), phí thu hộ daibiki như sau:

| Tổng tiền thu hộ/ daibiki | Mức phí                               |
|---------------------------|---------------------------------------|
| < 10,000                  | 330                                   |
| < 30,000                  | 440                                   |
| < 100,000                 | 660                                   |
| < 300,000                 | 1,100                                 |
| ≥ 300,000                 | Chỉ nhận chuyển khoản trước tiền hàng |

\*Chuyển khoản trước vào tài khoản sau:

|                              |
|------------------------------|
| 静岡銀行 (shizuoka)              |
| 浜松営業支店 (Hamamatsu)           |
| 普通: 1678352    ティーエイチエーケー(カ) |
|                              |
|                              |



### 条件付き卸購入時の送料

条件を満たす場合、または条件を満たすように同梱された場合は、以下の規定に従って送料無料または送料割引が適用されます。

| 県名                                         | 配送料／箱        |            |
|--------------------------------------------|--------------|------------|
|                                            | 冷蔵・冷凍        | 常温         |
| <b>中部地方:</b><br>新潟・富山・石川・福井・山梨・長野・岐阜・静岡・愛知 | 送料無料         | 送料無料       |
| <b>関西地方:</b><br>三重・滋賀・京都・大阪・兵庫・奈良・和歌山      |              |            |
| <b>関東地方:</b><br>茨城・栃木・群馬・埼玉・千葉・東京・神奈川      |              |            |
| <b>中国地方:</b><br>鳥取・島根・岡山・広島・山口             | 追加送料 :230円   | 送料無料       |
| <b>四国地方:</b><br>徳島・香川・愛媛・高知                |              |            |
| <b>東北地方 (1):</b><br>宮城・山形・福島               |              |            |
| <b>東北地方 (2):</b><br>青森・岩手・秋田               | 追加送料 :380円   | 送料無料       |
| <b>九州地方 (1):</b><br>熊本・宮崎・鹿児島              |              |            |
| <b>九州地方 (2):</b><br>福岡・佐賀・長崎・大分            | 追加送料 :345円   | 送料無料       |
| <b>北海道</b>                                 | <b>1,490</b> | <b>500</b> |

※北海道の法人のお客様は、常温送料が無料となります。

### 条件付き卸購入時の送料

| 県名     | 配送料／箱 |       |
|--------|-------|-------|
|        | 冷蔵・冷凍 | 常温    |
| 北海道    | 3,200 | 1,900 |
| その他の地域 | 2,050 | 1,370 |

**お支払い方法：以下の2つの方法のいずれかでお支払いください。**

※代金引換（daibiki）の場合、代引き手数料は以下の通りです。

| 代引金額／daibiki | 手数料         |
|--------------|-------------|
| <10,000      | 330         |
| <30,000      | 440         |
| <100,000     | 660         |
| <300,000     | 1,100       |
| ≥ 300,000    | 銀行振込前払いのみ対応 |

※下記の口座に前払いでお振込みください。

|                          |
|--------------------------|
| 静岡銀行 (Shizuoka)          |
| 浜松営業支店 (Hamamatsu)       |
| 普通：1678352 ディーエイチエーケー(カ) |